TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2020/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 42/2020/TB-TA, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đàm Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; Địa chỉ tạm trú: Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B.

- Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 06/4/2015 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Anh T và chị T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T và chị T thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Đàm Mẫn N, sinh ngày 24/12/2015 và cháu Đàm Gia K, sinh ngày 03/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 14/02/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2015 ngày 06/4/2015 của UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh L cấp cho anh T và chị T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đàm Mẫn N, sinh ngày 24/12/2015 và cháu Đàm Gia K, sinh ngày 03/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Đàm Mẫn N và cháu Đàm Gia K, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đàm Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đàm Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T mỗi người nộp số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0041447 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh L;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh